

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TRI  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-ST  
Ngày: 22 -10-2019  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Văn Tiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:**  
Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2019/TLST-DS ngày 20/6/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐST - DS ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: đường N, phường T, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T – Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Diễm: Ông Nguyễn Hoàng C – Giám đốc chi nhánh Bến Tre (văn bản ủy quyền số 4032/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985 – Trưởng phòng giao dịch PGD Giồng Trôm (Văn bản ủy quyền số 107/2019/UQ-CNBT ngày 08/4/2019) (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc Th, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Ấp A, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn – anh Nguyễn Minh T trình bày:*

Ngày 09/12/2017, ông Trần Ngọc Th có ký hợp đồng vay với ngân hàng TMCP S – chi nhánh Bến Tre – PGD Giồng Trôm theo hợp đồng tín dụng LD1734300249 ngày 09/12/2017. Số tiền anh Th vay là 150.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng. Lãi suất 9,6%/năm. Thời gian vay là 05 năm. Ngày đáo hạn 09/12/2022. Phương thức trả: vốn và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ bằng nhau.

Trong quá trình thanh toán, từ ngày 09/12/2017 đến ngày 29/01/2019, ông Trần Ngọc Th vẫn thanh toán tốt cho ngân hàng 12 kỳ, với tổng số tiền vốn và lãi đã trả là 44.400.000 đồng, trong đó vốn là 30.000.000 đồng và lãi là 14.400.000 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 30/01/2019, ông Trần Ngọc Th không thực hiện thanh toán như trong hợp đồng dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Dư nợ hiện tại tính đến ngày 03/4/2019 là 123.732.000 đồng, trong đó vốn quá hạn là 120.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.699.000 đồng, lãi quá hạn là 33.000 đồng, số ngày quá hạn là 63 ngày.

Khi làm thủ tục vay tiền, phía ngân hàng chỉ làm việc với anh Trần Ngọc Th, anh Th còn xác nhận anh Th là người của Đoàn Biên phòng Hàm Luông đồng thời có giấy tờ do trưởng đồn biên phòng ký xác nhận về việc anh Th là người của Đoàn Biên phòng, có anh Th ký tên nên ngân hàng mới tin tưởng cho anh Th vay 150.000.000 đồng dưới hình thức vay tín chấp.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Trần Ngọc Th phải trả cho nguyên đơn số tiền 123.732.000 đồng như đã nêu trên. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 04/4/2019 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí trong quá trình tố tụng.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ngọc Th trình bày:*

Anh thừa nhận hợp đồng tín dụng LD1734300249 ngày 09/12/2017 là do anh ký kết tại ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên, đây là khoản vay anh đứng vay

dùm anh H (không rõ họ tên) là con rể của cô ruột anh. Trước đây anh H làm ở Đồn Biên phòng Hàm Luông nhưng hiện tại đã nghỉ việc và nghe nói anh H đang đi lao động tại Nhật Bản. Do chỗ quen biết nên tin tưởng nhau, H nhờ anh đưa CMND và nhờ anh ký hợp đồng vay tiền với ngân hàng. Khi ngân hàng đưa số tiền 150.000.000 đồng, anh là người nhận nhưng ngay khi nhận tiền xong anh đã đưa cho H toàn bộ khoản tiền này. Quá trình vay tiền, H là người đóng lãi nên anh không biết gì về khoản tiền vay này. Đến khi H bỏ đi không đóng lãi nữa, ngân hàng đến làm việc thì anh mới biết được. Anh thừa nhận anh là người ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 150.000.000 đồng từ ngân hàng S nhưng anh không có sử dụng số tiền này mà chỉ vay dùm H. Toàn bộ hồ sơ vay tiền do phía ngân hàng và anh H làm, anh chỉ ký tên chứ không biết gì. Khi cán bộ ngân hàng đến nhà anh để làm việc về khoản vay, phía ngân hàng cũng có biết việc anh H mới là người đứng vay tiền, cán bộ ngân hàng có điện thoại cho anh H để nói kêu vợ chồng anh lãnh trả. Hiện gia đình anh rất khó khăn nên anh không đồng ý trả nợ cho ngân hàng.

*\* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71, 72, 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP S, buộc anh Thanh trả cho ngân hàng TMCP S số tiền 123.732.000 đồng. Ngân hàng TMCP S được tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 04/4/2018 đến khi anh Th trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Trần Ngọc Th trả số tiền nợ tính đến ngày 03/4/2019 là 123.732.000 đồng, trong đó vốn quá hạn là 120.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.699.000 đồng, lãi quá hạn là 33.000 đồng, số ngày quá hạn là 63 ngày, HĐXX thấy rằng: Anh Th đã thừa nhận anh là người ký tên hợp đồng tín dụng số LD1734300249 ngày 09/12/2017 vay số tiền vốn là 120.000.000 đồng với Ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên, anh cho rằng

đây là khoản vay anh được anh H (không rõ họ tên) nhờ đứng ra vay dùm nên sau khi ký tên và làm thủ tục giải ngân tại Phòng giao dịch huyện Giồng Trôm, anh có nhận số tiền tại Ngân hàng và đưa cho anh H. Do anh Th là người ký kết hợp đồng tín dụng và nhận số tiền trên nên anh Th phải có nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng số LD1734300249 ngày 09/12/2017 mà hai bên đã giao kết. Đồng thời, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ bản chiết toán về việc trả vốn và lãi theo quy định nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 04/4/2018 đến khi anh Th trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1734300249 ngày 09/12/2017 của nguyên đơn, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn anh Trần Ngọc Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 317, 320, 323 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng
- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn anh Trần Ngọc Th trả cho nguyên ngân hàng TMCP S (do Phòng Giao dịch Giồng Trôm đại diện nhận) số tiền 123.732.000 đồng (Trong đó: tiền vốn quá hạn 120.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.699.000 đồng, lãi quá hạn là 33.000 đồng).

Ngân hàng TMCP S được tiếp tục tính lãi phát sinh của số tiền vốn quá hạn từ ngày 04/4/2018 đến khi anh Th trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1734300249 ngày 09/12/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn anh Trần Ngọc Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.186.500 đồng.

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP S (do phòng giao dịch Giồng Trôm đại diện) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004848 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thanh Tùng**